

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ ĐĂNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2018/HSST
Ngày 27 /03/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B Đ
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán – Chủ toà phiên toà:** Ông Trần Văn Xuyến
- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Nguyễn Quang Liêu ; ông Nguyễn Mạnh Dũng .
- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** ông Trần Thế Vinh – Cán bộ Toà án nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ, tỉnh Bình Phước:** ông Lương Xuân Duyên – Chức vụ: Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 03 năm 2018 tại trụ sở Tòa án Toà án nhân dân huyện B Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 06 /2018/HSST ngày 22 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn V C , sinh năm: 1990, tại Bến Tre.

HKTT: khu phố 5, phường L Th, thị xã P L, tỉnh Bình Phước.

Quốc tịch: Việt Nam; **Dân tộc:** Kinh; **Trình độ học vấn :** 12/12; **Nghề nghiệp :** lái xe; **Tiền án, tiền sự:** không.

Cha: Nguyễn V B, sinh năm 1964

Mẹ: Nguyễn Th B H , sinh năm 1966

Bị cáo có 02 chị em ruột, lớn nhất sinh năm 1987, bị cáo là con nhỏ nhất trong gia đình.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 15/11/2017 đến ngày 04/01/2018 thay đổi biện pháp ngăn chặn bằng biện pháp cho gia đình bảo lãnh.

Những người tham gia tố tụng:

1/ Đại diện của bị hại Nguyễn Th H:

Phạm V C ; Sinh năm 1983 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn 4, xã B B, huyện B Đ, tỉnh Bình Phước

2/ Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Dương L ; Sinh năm 1948 (vắng mặt)

Địa chỉ : Khu 2, phường P B, TX P L , tỉnh Bình Phước
Nguyễn V B; Sinh năm 1956 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn 5, phường L Th, TX P L , tỉnh Bình Phước.

3/Người làm chứng:

Nguyễn X H , Sinh năm : 1990 (vắng mặt)
Địa chỉ: Khu phố P V , phường P B, TX P L , tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

1/ Về hành vi phạm tội của bị cáo : Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 07/9/2017, Nguyễn V C có giấy phép lái xe hạng C do sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Phước cấp ngày 31/12/2015, điều khiển xe ô tô biển số 93C – 054.37 đi trên đường ĐT 760 từ hướng xã B M huyện B Đ đến xã Đường 10, huyện B Đ. Khi đi đến đoạn đường thôn 6, xã B B thì Nguyễn V C nhìn thấy phía trước có xe mô tô biển số 93L1 – 133.33 do anh Phạm V C điều khiển chở phía sau là cháu Phạm G H và vợ là chị Nguyễn Th H đi cùng chiều. Lúc này, trên mặt đường nhựa có lớp đất đỏ ướn bám dính, trơn trượt, bất ngờ xe anh C điều khiển bị trượt quay ngang đường, Nguyễn V C liền phanh lại nhưng xe ô tô bị trượt mất lái đâm thẳng vào xe mô tô của anh C gây tai nạn làm chị Nguyễn Th H ngã xuống đường, chết trên đường đi cấp cứu. (BL 20,21, 96, 97, 102)

Căn cứ vào biên bản khám nghiệm hiện trường xác định:

Hiện trạng của mặt đường xảy ra tai nạn thì đoạn đường cong không bị hạn chế tầm nhìn, mặt đường bằng được trải bằng bê tông nhựa không có vạch kẻ phân chia đường thành hai chiều riêng biệt, trên mặt đường có lớp bùn đất nằm phân đường bên phải theo chiều xã B B về hướng xã Đường 10, chiều rộng lớp bùn đất là 2m50, chiều rộng mặt đường là 6m.

Theo hướng đường từ xã B B về hướng xã Đường 10 thì:

Vết phanh của xe ô tô biển số 93C – 054.37 dài 28m nằm trên mặt đường, phần đường bên phải.

Vị trí của xe ô tô biển số 93C – 054.37 nằm trên mép đường bên phải đầu xe nằm trong lề phải, đuôi xe nằm trên mặt đường, đầu xe hướng về xã Đường 10, chéch về lề phải, đuôi xe hướng về xã B B chéch về lề trái. Trục trước bên trái xe nằm trên mép lề phải, trục sau bên trái cách lề phải 0m90.

Tại bản kết luận giám định pháp y số 329 ngày 11/9/2017 xác định chị Nguyễn Th H chết do chấn thương sọ não, vỡ xương sọ. (BL 44)

Về thiệt hại giá trị xe ô tô biển số 93C – 054.37, mô tô biển số 93L1 – 133.33 Công ty TNHH thương mại dịch vụ L và bị hại Phạm V C không yêu cầu. (BL 35a, 71)

2/ Các vấn đề khác của vụ án:

* Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình bị cáo Nguyễn V C là ông Nguyễn V B cùng ông D L – người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH thương mại dịch vụ L đã bồi thường cho gia đình bị hại 250.000.000đ. Đại diện bị hại không yêu cầu gì thêm.

* Về vật chứng: 01 xe mô tô biển số 93L1 – 133.33, 01 xe ô tô biển số 93C – 05437 quá trình điều tra cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B Đ đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là anh Phạm V C, Công ty TNHH thương mại dịch vụ L – người đại diện theo ủy quyền ông D L. (BL 63, 64)

Tại Bản cáo trạng số 04/CTr – VKS ngày 18/01/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ truy tố bị cáo Nguyễn V C về tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật đối với Nguyễn V C như sau:

Về tội danh và hình phạt : Tuyên bố bị cáo Nguyễn V C phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự 1999.

Áp dụng khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự 1999, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, 60 Bộ luật hình sự 1999, tuyên xử phạt bị cáo Nguyễn V C từ 09 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Về vật chứng vụ án: 01 xe mô tô biển số 93L1 – 133.33, 01 và xe ô tô biển số 93C – 05437 đã trả lại chủ sở hữu.

Ý kiến về Quyết định truy tố: Bị cáo đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau :

1/ Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan điều tra công an huyện B Đ tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B Đ tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng hình sự . Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến đề nghị hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

2/ Xác định tội danh: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 07/9/2017, Nguyễn V C điều khiển xe ô tô biển số 93C – 054.37 đi trên đường ĐT 760 từ hướng xã B M huyện B Đ đến xã Đường 10, huyện B Đ. Khi đến thôn 6, xã B B thì Nguyễn V C nhìn thấy phía trước cách khoảng 30m, có xe mô tô biển số 93L1 – 133.33 do anh Phạm V C điều khiển chở phía sau là cháu Phạm G H và vợ là chị Nguyễn Th H đi cùng chiều, anh C dừng xe lại vì đường trơn và vẩy tay cho xe Nguyễn V C vượt

qua, Nguyễn V C liền phanh xe lại nhưng lúc này mặt đường nhựa có lớp đất đỏ ướt bám dính, trơn trượt xe ô tô bị trượt mất lái đi tới và hướng đi dần vào trong lề đường bên phải làm đầu xe bên trái của ô tô đâm vào xe máy của anh C, chị Nguyễn Th H ngồi sau xe máy ngã xuống đường, bị chấn thương sọ não, chết trên đường đi cấp cứu.

Khoảng cách từ vết phanh xe ô tô đầu tiên đến điểm dừng xe máy đầu tiên, vết trượt dài 25,7m.

Như vậy nguyên nhân xảy ra tai nạn là do Nguyễn V C điều khiển xe ô tô không bảo đảm tốc độ và khoảng cách an toàn khi trời mưa, mặt đường trơn trượt, cụ thể:

Tại khoản 3 Điều 4 và khoản 11 Điều 5 của Thông tư số 91/2015/TT-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2015 quy định:

Điều 4. Nguyên tắc chung khi điều khiển phương tiện trên đường bộ về tốc độ và khoảng cách:

3. Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải điều khiển xe chạy với tốc độ phù hợp với điều kiện của cầu, đường, mật độ giao thông, địa hình, thời tiết và các yếu tố ảnh hưởng khác để bảo đảm an toàn giao thông.”

“Điều 5. Các trường hợp phải giảm tốc độ

Người điều khiển phương tiện tham gia giao thông đường bộ phải giảm tốc độ thấp hơn tốc độ tối đa cho phép (có thể dừng lại một cách an toàn) trong các trường hợp sau:

11. Trời mưa; có sương mù, khói, bụi; mặt đường trơn trượt, lầy lội, có nhiều đất đá, cát bụi rơi vãi”.

Như vậy hành vi của bị cáo Nguyễn V C đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại về tính mạng cho người khác hậu quả làm chị Nguyễn Th H chết.

Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo thực hiện với lỗi vô ý do chủ quan và cẩu thả, đã vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ.

Bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi mình đã gây ra. Vì vậy hành vi của bị cáo Nguyễn V C đã phạm vào tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ” theo khoản 1 Điều 202 BLHS năm 1999 .

3/ Các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường thiệt hại cho phía bị hại. Ngoài ra bị hại có đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau khi xem xét hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý phù hợp hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo và răn đe giáo dục phòng ngừa chung.

4/Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình bị cáo Nguyễn V C là ông Nguyễn V B cùng ông D L – người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH thương mại dịch

vụ L đã bồi thường cho gia đình bị hại, đại diện bị hại không yêu cầu gì thêm nên không xem xét.

5/ Về vật chứng: 01 xe mô tô biển số 93L1 – 133.33, 01 xe ô tô biển số 93C – 05437 quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện B Đ đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp là ông Phạm V C, Công ty TNHH thương mại dịch vụ L – người đại diện theo ủy quyền ông D L. (BL 63, 64)

6/Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn V C nộp 200.000 đồng án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về tội danh và hình phạt : Tuyên bố bị cáo Nguyễn V C phạm tội “Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 60 BLHS 1999. Xử phạt bị cáo Nguyễn V C 09 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng kể từ ngày tuyên án, giao bị cáo về UBND phường L Th, thị xã P L, tỉnh Bình Phước giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

- Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

2/Về trách nhiệm dân sự: Đại diện bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

3/ Về vật chứng vụ án: Xe ô tô và xe mô tô tạm giữ trong vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B Đ đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4/ Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH Ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án. Buộc bị cáo Nguyễn V C nộp 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người đại diện bị hại, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bp;
- Sở TP tỉnh BP;
- Công an tỉnh BP;
- Công an huyện B Đ;
- VKSND huyện BĐ;
- Chi cục THADS huyện BĐ;
- Bị cáo, Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên